TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 268/2024/HNGĐ-ST Ngày: 30-7-2024 V/v: Tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tam;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 2115/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 30/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 265/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị D, sinh năm 1989; HKTT: Xóm T, xã L, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ liên lạc: Số B đường A, khu G, phường L, Quận I , thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt tại phiên tòa).

- Bị đơn: Ông Lâm Văn C, sinh năm 1985; Đăng ký thường trú: Tổ C, ấp C, X, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ tạm trú: D N, khu phố B, phường T,thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị D trình bày:**

Bà D và ông Lâm Văn C kết hôn năm 2014. Do quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn nên năm 2016, bà D và ông C đã được Tòa án nhân dân huyện Thống

Nhất, tỉnh Đồng Nai công nhận thuận tình ly hôn. Theo quyết định của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, hai bên thỏa thuận giao con chung là cháu Lâm Đinh Hồng N, sinh ngày 22/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, do mức tiền cấp dưỡng trên hiện nay không còn phù hợp với thực tế nhu cầu của đứa trẻ nên bà D yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Cụ thể yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

*** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Văn C trình bày:** Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 280/2016/QĐST-HNGĐ ngày 27/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, hai bên thỏa thuận giao con chung là cháu Lâm Đinh Hồng N, sinh ngày 22/7/2014 cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Nay bà D yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động thì ông C không đồng ý vì mức thu nhập hàng tháng của ông hiện nay là hơn 14.000.000 đồng, với số tiền này ông C còn phải chu cấp nuôi dưỡng cha mẹ già và chi phí cho cuộc sống của ông. Nên ông C chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con muỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa ông C đồng ý tăng mức cấp dưỡng nuôi con lên 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C, ghi nhận sự tự nguyện trên của ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Đinh Thị D khởi kiện tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con với ông Lâm Văn C. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà D là nguyên đơn, ông C là bị đơn. Căn cứ Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng".

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Lâm Văn C hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố B. Căn cứ vào khoản 5 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân

sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Đinh Thị D đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con:

Xét yêu cầu của bà D về việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000đ (một triệu đồng) lên 4.000.000đ (bốn triệu đồng) cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Vì bà D cho rằng, mức tiền cấp dưỡng trên hiện nay không còn phù hợp với thực tế nhu cầu của đứa trẻ. Bà D khai, mỗi tháng chi phí nuôi con bao gồm tiền ăn, học, đi lại, tiền ốm đau là 11.000.000đ/tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh và không chứng minh được mức thu nhập hàng tháng của ông C. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C khai, mỗi tháng thu nhập của ông là hơn 14.000.000 đồng. Với mức thu nhập này ông còn phải chi tiêu sinh hoạt cho bản thân và phải chu cấp nuôi dưỡng cha mẹ già nên ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

Theo văn bản trả lời xác minh ngày 11/4/2024 của Công an tỉnh Đ xác nhận tổng số tiền thực lãnh từ lương của ông C hàng tháng (bao gồm tiền lương cơ bản và các khoản phụ cấp khác) là 14.824.598đ (mười bốn triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi tám đồng).

Căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình quy định "1. *Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*"

2. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".

Theo quy định tại khoản 2 điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn *"Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con"*

Như vậy, khi quyết định mức cấp dưỡng nuôi con ngoài việc xem xét về nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì cần phải xem xét đến thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tại phiên tòa, ông C đồng ý thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con lên 3.000.000đ (ba triệu đồng)/tháng. Xét thấy, việc ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng) là phù hợp với khả năng thu nhập thực tế của ông C và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội

đồng xét xử ghi nhận. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà D về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 1.000.000 đồng/tháng lên mức 3.000.000 đồng/tháng.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, ông Lâm Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Bà Đinh Thị D được miễn nộp tiền tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 5 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí; Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Đinh Thị D đối với bị đơn ông Lâm Văn C về "Tranh chấp thay đổi mức cấp dưỡng":

Buộc ông Lâm Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Lâm Đinh Hồng N, sinh ngày 22/7/2014 mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng), kể từ ngày 01/8/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Trong trường hợp ông Lâm Văn C chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông C phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi có lý do chính đáng, yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Lâm Văn C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

3. Quyền kháng cáo:

Ông C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án DS TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Nguyệt